| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THUẬN HÓA**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **12**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và ông Hoàng Phương Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa tham gia phiên toà:*** Bà Phan Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Võ Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 4/77 T, Tổ 9, Khu vực 5, phường A, quận Thuận H, thành phố Huế. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Phạm Phước V, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 4/77 T, Tổ 9, Khu vực 5, phường A, quận Thuận H, thành phố Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V làm lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2002, đến ngày 26/8/2005 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh những vấn đề mâu thuẫn; nguyên nhân là ông V hay chửi bới, xúc phạm đến cha mẹ đã chết của bà C, ông còn có hành động phá hoại tài sản trong gia đình. Bà C, ông V đã nhiều lần trực tiếp trao đổi, nói chuyện nhưng vẫn không khắc phục được vấn đề mâu thuẫn. Nay,

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Pham Phước V.

- Về con chung: Bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V có 03 người con chung tên là Phạm Phước Đ, sinh ngày 28/4/2003, Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 26/02/2005 và Phạm Thị N Y, sinh ngày 24/12/2012. Bà C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Thị N Y. Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Y là 2.000.000đ/tháng; tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà C tự nguyện thay đổi ý kiến không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đ và cháu H đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần đều phát triển bình thường, đã có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà Võ Thị C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 10/02/2025 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Phạm Phước V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Việc làm lễ cưới, về chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà C trình bày. Trong thời gian trước đây, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Sau này phát sinh những vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, hay nghi ngờ nhau; do ông V hay đi làm ăn xa, chưa có bằng chứng nên chưa trình bày cụ thể lý do mâu thuẫn trước Tòa. Nay, bà Võ Thị C yêu cầu ly hôn thì ông V không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ, gìn giữ hạnh phúc gia đình để lo cho con cái.

- Về con chung: Ông Phạm Phước V và bà Võ Thị C có 03 người con chung tên là Phạm Phước Đ, sinh ngày 28/4/2003, Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 26/02/2005 và Phạm Thị N Y, sinh ngày 24/12/2012. Bà C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Thị N Y và cháu N Y có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nên nếu ly hôn thì ông V đồng ý giao cháu Phạm Thị N Y cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông V không cấp dưỡng nuôi con, vì điều kiện còn khó khăn. Đối với cháu Đ và cháu H đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần đều phát triển bình thường, đã có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Phước V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Ông Phạm Phước V trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần. Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2025, các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nợ chung nhưng không thống nhất được với nhau về việc giải quyết về quan hệ hôn nhân. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Phạm Phước V đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho bà Võ Thị C được ly hôn ông Phạm Phước V.

+ Về con chung: Bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V có 03 người con chung tên là Phạm Phước Đ, sinh ngày 28/4/2003, Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 26/02/2005 và Phạm Thị N Y, sinh ngày 24/12/2012. Cháu Phạm Thị N Y có nguyện vọng ở với mẹ, ông Phạm Phước V đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao cháu Phạm Thị N Y cho bà Võ Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Đối với Cháu Phạm Phước Đ và cháu Phạm Thị Thúy H đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần đều phát triển bình thường, bà C và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu ông Việt cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 2.000.000 đồng; tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà C đã thay đổi ý kiến, rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí ly hôn: Bà Võ Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thuận Hóa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong khởi kiện, bà Võ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết về việc Ly hôn, nuôi con chung; cả nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận Thuận H, thành phố Huế). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Phạm Phước V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị C và Ông Phạm Phước V kết hôn tự nguyện, đã được phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, quận Thuận H, thành phố Huế) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/8/2005 là đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông V là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V đều thừa nhận trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra những vấn đề mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tuy nhiên, ông V cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, ông V vẫn còn tình cảm với vợ và muốn hàn gắn để vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái nhưng thực tế qua các phiên hòa giải hai người không nhường nhịn nhau mà còn xảy ra căng thẳng. Mặt khác, ông V muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét mà vẫn cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông V chưa có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà C và ông V đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị C, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông Phạm Phước V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2025, bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V đã thống nhất, thỏa thuận được với nhau các nội dung như sau:

- Về con chung: Vợ chồng công nhận có ba người con chung là: Phạm Phước Đ, sinh ngày 28/4/2003, Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 26/02/2005 và Phạm Thị N Y, sinh ngày 24/12/2012. Bà C và ông V thỏa thuận giao cháu Phạm Thị N Y cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; ông V không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ và cháu H đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần đều phát triển bình thường, đã có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn là Bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Chung được ly hôn ông Phạm Phước V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2**. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị N Y, sinh ngày 24/12/2012 cho bà Võ Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; ông Phạm Phước V không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phạm Phước Đ và cháu Phạm Thị Thúy H đã trên 18 tuổi, thể chất và tinh thần đều phát triển bình thường, đã có việc làm ổn định nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà Võ Thị C và ông Phạm Phước V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3**. Về án phí dân sự (ly hôn) sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003331 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Thuận H, thành phố Huế). Bà Võ Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn.

**4**. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5**. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- TAND thành phố Huế;
- VKSND quận Thuận Hóa;
- CCTHADS quận Thuận Hóa;
- UBND phường An Cựu;
*(ĐKKH số 96 ngày 26/8/2005)*
- Các đương sự.
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hiếu**